

Số: 2483/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính bãi bỏ
lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 của UBND tỉnh và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; UBND các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

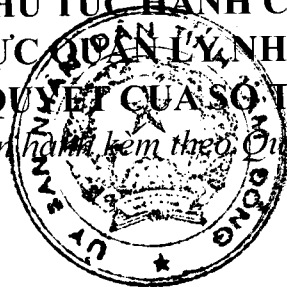
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm soát TTHC);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Website Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiến

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÂM ĐỒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2483 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)



**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

| Số TT | Tên thủ tục hành chính |
|------------|---|
| I | THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐẤT ĐAI |
| 1 | Thẩm định bản đồ trích đo địa chính |
| 2 | Thẩm định hồ sơ hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư dự án. |
| 3 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất |
| II | CHẤP THUẬN PHẠM VI RANH GIỚI |
| 1 | Chấp thuận phạm vi ranh giới để lập hồ sơ giao, cho thuê đất |
| III | GIAO ĐẤT |
| 1 | Giao đất không thu tiền sử dụng đất |
| 2 | Giao đất có thu tiền sử dụng (không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất) |
| IV | CHO THUÊ ĐẤT |
| 1 | Cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án |
| 2 | Cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá thuê quyền sử dụng đất |
| V | CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT |
| 1 | Chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
| 2 | Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư |
| VI | GIA HẠN SỬ DỤNG ĐẤT |
| 1 | Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng cho tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |
| VII | CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ |
| 1 | Thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ |

| | |
|-------------|---|
| 2 | Thẩm định cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ |
| VIII | VỀ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT; CẤP GIẤY, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI, ĐÍNH CHÍNH, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN; ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG VỀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT |
| 1 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất |
| 2 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với trường hợp không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của người khác |
| 3 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sở hữu nhà ở) |
| 4 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng) |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng) |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sở hữu cây lâu năm) |
| 7 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở) |
| 8 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình xây dựng) |
| 9 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận bổ sung quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng) |
| 10 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận bổ sung quyền sở hữu cây lâu năm) |
| 11 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở |
| 12 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định |
| 13 | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Đất hoặc đất và tài sản của nhà nước bán đấu giá) |
| 14 | Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bị mất; bị ô, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại (đối với Tổ chức kinh tế, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, |

| | |
|----|--|
| | người Việt nam định cư ở nước ngoài) |
| 15 | Đăng ký xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề. |
| 16 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất (đối với Tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài). |
| 17 | Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp |
| 18 | Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 19 | Đăng ký chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. |
| 20 | Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 21 | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 22 | Xóa góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 23 | Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sát nhập tổ chức, chuyển đổi công ty |
| 24 | Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai |
| 25 | Đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án |
| 26 | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ; đổi tên do thành lập doanh nghiệp tư nhân; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký cấp Giấy chứng nhận |
| 27 | Đăng ký biến động khi chuyển nhượng dự án có sử dụng đất |
| 28 | Đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 29 | Cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bị mất; bị ô, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do thực hiện dồn điền, đổi thửa, đo đạc xác định lại diện tích, kích thước thửa đất đối với hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư (thực hiện kể từ ngày thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp) |
| 30 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất đối với hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư (thực hiện kể từ ngày thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp) |

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính |
|----------|---|---|
| I | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | |
| 1 | T-LDG-065 046-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (chứng nhận quyền sử dụng đất - Không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) |
| 2 | T-LDG-065 024-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với trường hợp không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của người khác |
| 3 | T-LDG-065 125-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án (Đất hoặc đất và tài sản của nhà nước bán đấu giá) |
| 4 | T-LDG 170034-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng) đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng |
| 5 | T-LDG 170036-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng và quyền sở hữu rừng trồng) đối với trường hợp tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu tài sản không đồng thời là người sử dụng đất |
| 6 | T-LDG-200 546-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở quyền sở hữu rừng trồng và tài sản gắn liền với đất (chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu rừng sản xuất) đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng |
| 7 | T-LDG-200 464-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho người nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp chia tách, sáp nhập tổ chức quy định tại Điều 140 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP |

| | | |
|-----------|--|---|
| 8 | T-LDG-065 266-TT | Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bị ô, nhòe, rách, hư hỏng hoặc do đo đạc lại hoặc cấp đổi giấy chứng nhận đã cấp (không xác nhận bổ sung tài sản) |
| 9 | T-LDG-065 271-TT | Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do bị mất |
| 10 | T-LDG-065 151-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khi thực hiện tách thửa, hợp thửa |
| 11 | T-LDG-170 043-TT | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng cho người nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng của tổ chức đầu tư xây dựng để bán |
| II | Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | |
| 1 | T-LDG-066 326-TT | Đăng ký chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 2 | T-LDG-066 401-TT | Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| 3 | TLDG 170046-TT | Đăng ký xóa góp vốn quyền sử dụng đất; đăng ký xóa góp vốn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất |
| 4 | T-LDG-066 416-TT | Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| 5 | T-LDG-066 426-TT | Đăng ký xóa cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| 6 | T-LDG-066 434-TT | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên, thay đổi và hạn chế về quyền, thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi diện tích xây dựng, diện tích sử dụng, tầng cao, kết cấu chính, cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây |
| 7 | T-LDG- 201576-TT | Đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| 8 | T-LDG-064 890-TT | Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép của tổ chức sử dụng đất |
| 9 | T-LDG-200 551-TT | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất (Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó đã được chứng nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) |

| | | |
|----|---------------------|--|
| 10 | T-LDG-200 610-TT | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất (Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất mà tài sản đó đã hình thành, nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) |
| 11 | T-LDG-200 620-TT | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất (thế chấp tài sản gắn liền với đất được tạo lập trên đất thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất không hình thành pháp nhân mới mà chủ sở hữu tài sản đó đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) |
| 12 | T-LDG-200 628-TT | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất (Trường hợp thế chấp tài sản gắn liền với đất được tạo lập trên đất thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất không hình thành pháp nhân mới mà tài sản đó đã hình thành, nhưng chủ sở hữu tài sản chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) |
| 13 | T-LDG-200 687-TT | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp không phải là nhà ở của tổ chức, cá nhân mua của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở), mà người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 14 | T-LDG-200 691-TT | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp không phải là nhà ở của tổ chức, cá nhân mua của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh bất động sản theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở) mà người sử dụng đất không đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất |
| 15 | T-LDG-200 696-TT | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp |
| 16 | T-LDG-200 699-TT | Yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký |

| | | |
|------------|---------------------|---|
| 17 | T-LDG-066 442-TT | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất; Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai |
| 18 | T-LDG-066 478-TT | Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký |
| 19 | T-LDG-066 472-TT | Xoá đăng ký thế chấp |
| III | Giao đất | |
| 1 | | Giao đất cho tổ chức để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh |
| 2 | | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Chứng nhận quyền sử dụng đất) an ninh quốc phòng |
| 3 | | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cơ sở tôn giáo trường hợp công nhận quyền sử dụng đất |
| 4 | T-LDG-064 699-TT | Giao đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo để sử dụng vào mục đích tôn giáo |
| 5 | T-LDG-170 029-TT | Giao đất không thu tiền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với đất chưa được giải phóng mặt bằng và không sử dụng đất lâm nghiệp đối với tổ chức trong nước (phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền của cấp huyện, thành phố) |
| 6 | T-LDG-170 030-TT | Giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện dự án đối với đất chưa được giải phóng mặt bằng và không sử dụng đất lâm nghiệp đối với tổ chức kinh tế trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh) |
| 7 | T-LDG-170 008-TT | Giao đất có thu tiền sử dụng đất đã giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức kinh tế trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trường hợp không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất) |
| 8 | T-LDG-064 722-TT | Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế trong nước |
| IV | Cho thuê đất | |
| 1 | T-LDG-170 010-TT | Cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước |

| | | |
|-------------|---|--|
| | | ngoài không thuộc đối tượng thuê đất lâm nghiệp, thuê rừng (trường hợp không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất) |
| 2 | T-LDG-170 028-TT | Cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng đối với tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài (trường hợp thuê đất lâm nghiệp, thuê rừng) |
| 3 | T-LDG-170 031-TT | Cho thuê đất để thực hiện dự án đối với đất chưa được giải phóng mặt bằng và không sử dụng đất lâm nghiệp đối với tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài (đối với các trường hợp Nhà nước thực hiện thu hồi đất theo quy định của pháp luật và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh) |
| V | Chuyển mục đích sử dụng đất | |
| 1 | T-LDG-064 890-TT | Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép của tổ chức sử dụng đất |
| 2 | T-LDG-064 932-TT | Chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép (từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp và đất ở; từ đất lâm nghiệp sang mục đích khác không phải lâm nghiệp) của tổ chức kinh tế trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài |
| VI | Gia hạn sử dụng đất | |
| 1 | T-LDG-065 896-TT | Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng cho tổ chức kinh tế trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài |
| 2 | T-LDG-065 912-TT | Gia hạn sử dụng đất cho tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng đất không phải đất tôn giáo |
| VII | Chấp thuận phạm vi ranh giới | |
| 1 | T-LDG-066 297-TT | Chấp thuận phạm vi ranh giới đất giao, đất thuê cho tổ chức kinh tế trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài |
| VIII | Cấp phép hoạt động đo đạc bản đồ | |
| 1 | T-LDG-066 240-TT | Thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức |
| 2 | T-LDG-066 265-TT | Thẩm định gia hạn Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức |
| IX | Thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo | |

| | | |
|---|--|--|
| 1 | | Giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai lần đầu (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh giải quyết lần thứ nhất) giữa tổ chức với tổ chức hoặc tổ chức với cá nhân |
| 2 | | Giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai lần 2 (là các vụ việc đã được UBND cấp huyện giải quyết lần thứ nhất) giữa các hộ gia đình, cá nhân với nhau. |
| 3 | | Giải quyết khiếu nại liên quan đến lĩnh vực ngành (lĩnh vực khoáng sản, môi trường, đất đai, tài nguyên nước, đo đạc bản đồ) |
| 4 | | Giải quyết tố cáo liên quan đến lĩnh vực ngành (lĩnh vực khoáng sản, môi trường, đất đai, tài nguyên nước, đo đạc bản đồ) |